

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 11 - 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Vũ.

2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST - HNGĐ ngày 26/7/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã MT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị D vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Khắc C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã MT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2021, bản tự khai ngày 26/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Hoàng Khắc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/3/2011. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hoàng Khắc C không tu chí làm ăn, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau; tháng 11 năm 2019 vợ chồng đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Khắc C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng M.A, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Hoàng GB sinh ngày 23/01/2013; Ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh, đề nghị Tòa án giao cháu Bảo cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị D và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ anh Hoàng Khắc C nhiều lần đến Tòa án làm việc và 03 lần tham gia phiên tòa nhưng anh C không đến nên không có bản khai, không có ý kiến của anh C; Tại giấy đồng ý ly hôn chị D gửi cho Tòa án, anh Hoàng Khắc C có ý kiến: “ Trong quá trình kết hôn và sống chung với nhau từ năm 2011 đến nay do bản thân tôi chơi bời và nợ nần gây ra số nợ, giờ ly hôn tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về số nợ mình gây ra”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Khắc C đã được thông báo hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng anh C không đến để tham gia phiên hòa giải, đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh C.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Khắc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, đến đầu năm 2021 vợ chồng đã ly thân nhau việc này đã được cấp chính quyền địa phương xác nhận, nguyên nhân do nợ nần trong làm ăn kinh tế, anh C chơi bời, không tu chí làm ăn, việc này bản thân anh C cũng thừa nhận. Mặc dù Tòa án đã thông báo tiến hành phiên hòa giải và 03 lần mở phiên tòa nhưng anh C vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh C cũng không thiết tha, níu kéo hôn nhân; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị D được ly hôn anh C là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị D khai nhận vợ chồng có 02 con chung là Hoàng M.A, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Hoàng GB sinh ngày 23/01/2013, chị D xuất trình cho Tòa án bản sao trích lục khai sinh của cháu Hoàng M.A và cháu Hoàng GB có ghi họ tên mẹ là chị Nguyễn Thị D, họ tên bố là Hoàng Khắc C; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Hoàng M.A và cháu Hoàng GB là con chung của chị D và anh C. Hiện cháu Anh và cháu Bảo đã hơn 07 tuổi, cháu Anh có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Bảo có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn, nên chấp nhận yêu

cầu của chị D, giao cháu Hoàng M.A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Hoàng GB cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của anh C đối với phần tài sản, công nợ giữa anh C và chị D nếu có sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Hoàng Khắc C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng M.A, sinh ngày 25/6/2011 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng GB sinh ngày 23/01/2013 cho anh Hoàng Khắc C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị D, anh C có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị D phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000017 ngày 23/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trở lời hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị D, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

